

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ TỔ CHỨC QUẢN LÝ HỆ THỐNG THỦY LỢI NỘI ĐỒNG CHO VÙNG BẮC TRUNG BỘ

KS. Võ Thị Kim Dung & PGS.TS. Trần Chí Trung

Trung tâm PIM

Tóm tắt: Quản lý công trình thủy lợi là một quá trình phức tạp, chịu sự tác động của nhiều yếu tố về thể chế, tài chính, kỹ thuật, xã hội. Trong đó, sự tham gia của người dùng nước là một trong những yếu tố quyết định đến sự thành công của công tác quản lý công trình thủy lợi. Trên cơ sở phân tích thực trạng quản lý, bài viết này đề xuất các giải pháp về mô hình tổ chức quản lý phù hợp, chính sách và cơ chế phối hợp các bên liên quan để nâng cao hiệu quả hoạt động tổ chức quản lý hệ thống thủy lợi nội đồng cho vùng Bắc Trung Bộ.

Từ khóa: Tổ chức dùng nước, tự chủ tài chính, vận hành, bảo dưỡng công trình.

Summary: Management of hydraulic work is a complicated process which is influenced by many factors of institutional, financial, technical, social. Among these factors, the participation of water users which is one of key and decisive factor to the success of irrigation management. Based on the analysis of status of irrigation management, the article presents solutions on suitable water user organization model which are adaptive to current policies and mechanisms and coordination mechanisms among stakeholders to enhance performance of organizations in the management of on-farm irrigation system in the North Central Region.

Keywords: Water user organizations, financial autonomy, operation and maintenance of irrigation works.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Các tổ chức dùng nước (TCDN) góp phần quan trọng trong việc quản lý khai thác hệ thống thủy lợi nội đồng, duy trì và phát huy hiệu quả của công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh. Tuy nhiên, thực tế hiện nay các tổ chức quản lý hệ thống thủy lợi nội đồng ở vùng Bắc Trung Bộ còn nhiều bất cập, hoạt động vận hành và bảo dưỡng công trình chưa được quan tâm, nên hiệu quả tưới tiêu còn thấp. Công tác quản lý vận hành và bảo dưỡng công trình thủy lợi là một quá trình phức tạp, chịu sự tác động của nhiều yếu tố về thể chế, tài chính, kỹ thuật, xã hội, trong đó sự tham gia của người dùng nước là một trong những yếu tố quyết định đến sự thành công

của quản lý khai thác công trình thủy lợi. Vì vậy, cần nghiên cứu đánh giá thực trạng hoạt động của tổ chức quản lý, xác định các yếu tố về thể chế, tài chính, kỹ thuật, xã hội tác động đến hoạt động của các TCDN, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức quản lý hệ thống thủy lợi nội đồng phục vụ Đề án nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi hiện có gắn với xây dựng nông thôn mới cho vùng Bắc Trung Bộ.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Phương pháp đánh giá nông thôn có sự tham gia của cộng đồng (Participatory Rural Assessment-PRA): Sử dụng các phiếu điều tra, phỏng vấn, điều tra thực địa để thu thập thông tin về thực trạng hoạt động của TCDN ở 45 xã tại tỉnh 3 tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh và Thừa Thiên-Huế.

- Phương pháp thống kê: Phân tích thống kê

Người phản biện: PGS.TS. Nguyễn Thế Quảng

Ngày nhận bài: 28/10/2015

Ngày thông qua phản biện: 9/11/2015

Ngày duyệt đăng: 15/12/2015

các số liệu, tài liệu tổng quan TCDN ở vùng Bắc Trung Bộ và phân tích chi tiết ở các tỉnh điều tra.

- Phương pháp phân tích căn nguyên: Phân tích, đánh giá các tồn tại, vướng mắc trong quá trình hoạt động của TCDN, tìm ra nguyên nhân để đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả các tổ chức quản lý hệ thống thủy lợi nội đồng phù hợp cho vùng Bắc Trung Bộ.

- Phương pháp tập hợp ý kiến chuyên gia: Tham khảo ý kiến các chuyên gia đầu ngành, nhiều kinh nghiệm về quản lý tưới có sự tham gia ở các cơ quan quản lý trung ương, các Viện nghiên cứu và các địa phương.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Khái quát về quản lý, khai thác công trình thủy lợi vùng Bắc Trung Bộ

+ *Hiện trạng công trình thủy lợi*: Theo báo cáo của các địa phương năm 2014, vùng Bắc Trung Bộ có 7.050 công trình, bao gồm 4.048 hồ đập, 2.949 trạm bơm, 53 công trình khác và trên 26.000 km kênh mương các loại. Trong đó, các địa phương quản lý 6.209 công trình, chiếm tới 89,5% tổng số công trình phục vụ tưới tiêu cho khoảng 371.000 ha, chiếm 47,2% diện tích của các tỉnh [2].

+ *Hệ thống tổ chức quản lý công trình thủy lợi*: Hệ thống tổ chức quản lý công trình thủy lợi ở vùng Bắc Trung Bộ hiện có 15 doanh nghiệp và 2.042 TCDN [2]. Các doanh nghiệp quản lý công trình vừa và lớn, còn các công trình nhỏ và hệ thống kênh mương nội đồng do các TCDN quản lý. Các doanh nghiệp là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, trong đó có 3 công ty có quy mô tỉnh (Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế), các tỉnh còn lại có công ty quy mô liên huyện.

+ *Thực hiện phân cấp quản lý khai thác công trình thủy lợi*: Để triển khai thực hiện Thông tư 65/2009/TT- BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2/6 tỉnh trong vùng đã ban hành quy định thực hiện phân cấp quản lý khai

thác công trình thủy lợi (Hà Tĩnh và Quảng Trị). Tỉnh Quảng Bình đã ban hành quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi từ năm 2002 nhưng các tiêu chí phân cấp hiện tại không phù hợp với hướng dẫn của trung ương. Ba tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Thừa Thiên-Huế trong thực tế đã thực hiện phân cấp quản lý nhưng không ban hành quy định cụ thể. Hiện tại các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình đang rà soát đánh giá hiện trạng công trình để ban hành, sửa đổi quy định phân cấp quản công trình thủy lợi. Nhìn chung, việc thực hiện phân cấp quản lý khai thác công trình thủy lợi còn nhiều bất cập. Tỉnh Hà Tĩnh đã thực hiện phân cấp các đoạn cuối kênh cấp I, cấp II phục vụ cho diện tích nhỏ hơn hoặc bằng quy mô cống đầu kênh cho các địa phương quản lý, trong khi đó các doanh nghiệp ở tỉnh Thanh Hóa đang quản lý các trạm bơm quy mô nhỏ. Ví dụ như Công ty Sông Chu đang quản lý 7 trạm bơm điện tưới cho xã Thiệu Hưng có quy mô từ 10-95ha.

+ *Thực hiện chính sách miễn giảm thủy lợi phí*: Năm 2014, diện tích được cấp bù thủy lợi phí cho các công trình thủy lợi do khối địa phương quản lý là 897.748 ha, được cấp 432.331 triệu đồng, chiếm 44,3% tổng kinh phí thủy lợi phí cấp bù cho vùng Bắc Trung Bộ [2]. Kết quả thực hiện cấp bù thủy lợi phí tại các tỉnh cho thấy công tác xây dựng kế hoạch tưới tiêu sát với thực tế. Diện tích do địa phương thực hiện tưới tiêu chỉ giảm khoảng 1.600 ha, chiếm 2,59% so với kế hoạch của các tỉnh. Chuyển đổi mục đích sử dụng đất hoặc thiếu nước trong vụ đông là nguyên nhân chính làm giảm diện tích trồng màu ở các tỉnh.

+ *Quy định mức trần phí thủy lợi nội đồng*: Các tỉnh đều quy định mức trần phí thủy lợi nội đồng, trung bình là 429.000 đồng/ha/vụ. Tuy nhiên hình thức quy định là khác nhau, có tỉnh quy định mức đóng góp của hộ dùng nước bằng tiền, một số tỉnh lại quy định bằng thóc (Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế), có tỉnh quy

định theo từng tiểu vùng, trong khi đó tỉnh Nghệ An quy định mức đóng góp theo biện pháp tưới của công trình.

3.2 Thực trạng hoạt động của các tổ chức quản lý hệ thống thủy lợi nội đồng

Theo kết quả tổng hợp của các địa phương [1], các tổ chức quản lý hệ thống thủy lợi nội đồng hay còn gọi là các TCDN ở vùng Bắc Trung Bộ bao gồm các loại hình chủ yếu là: (i) Hợp tác xã (ii) Tổ hợp tác gồm Hội sử dụng nước, Tổ hợp tác, Tổ, Đội thủy nông và (iii) Ban quản lý thủy nông như trình bày ở Bảng 1. Trong đó, Hợp tác xã và Tổ hợp tác là 2 loại hình chính chiếm tới 99,7% tổng số tổ chức. Loại hình Hợp tác xã có 1.577 đơn vị chiếm 76,9% tổng số tổ chức quản lý. Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp là loại hình phổ biến chiếm 97,4% số hợp tác xã. Tuy nhiên, tổ chức và hoạt động của hầu hết các HTX vẫn chưa chuyển đổi theo Luật HTX năm 2012. Đối với Tổ hợp tác, hiện có 467 đơn vị, chiếm 22,8%. Loại hình này hoạt động phổ biến ở tỉnh Quảng Bình (49,5%). Tổ hợp tác là loại hình do người dân tự lập ra, hoạt động theo Luật dân sự, không có con dấu, tài khoản, quy chế hoạt động. Loại hình Ban quản lý thủy nông là không đáng kể, chỉ có 4 đơn vị chiếm 0,2% ở tỉnh Thanh Hóa, Quảng Bình. Ban quản lý thủy nông được thành lập để giúp UBND các xã quản lý nhà nước về công trình thủy lợi. Ngoài ra còn có mô hình Liên hiệp tổ chức dùng nước là hình thức liên kết các hợp tác xã để quản lý kênh cấp 2 liên xã phục vụ tưới tiêu cho 5 xã thuộc huyện Cẩm Xuyên và Thành phố Hà Tĩnh thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

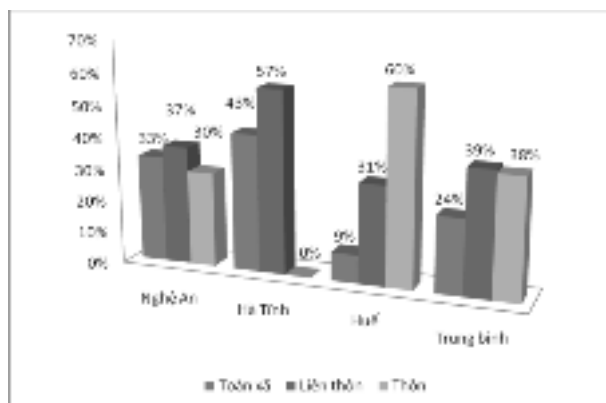
Trên cơ sở kết quả điều tra đánh giá hoạt động của 93 TCDN ở 45 xã điểm tại các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh và Thừa Thiên-Huế trong khuôn khổ đề tài “Nghiên cứu đề xuất các giải pháp khoa học và công nghệ về giao thông nông thôn, thủy lợi phù hợp với quy hoạch làng xã phục vụ xây dựng nông thôn mới vùng Bắc Trung Bộ” [3], thực trạng tổ chức và hoạt động của các TCDN vùng Bắc Trung Bộ được phân tích chi tiết như dưới đây.

Bảng 1. Số lượng các loại hình tổ chức quản lý hệ thống thủy lợi nội đồng

TT	Tên tỉnh	Tổng số	Loại hình tổ chức dùng nước			
			Hợp tác xã	Ban QLTN	Tổ hợp tác	Khác
1	Thanh Hóa	489	420	2	67	
2	Nghệ An	463	456		7	
3	Hà Tĩnh	213	170		42	1
4	Quảng Bình	338	105	2	231	
5	Quảng Trị	302	261		41	
6	Thừa Thiên Huế	237	158		79	
Tổng số		2.042	1.570	4	467	1
Tỷ lệ (%)		100	76,9%	0,2%	22,8%	0,1%

- Quy mô hoạt động:

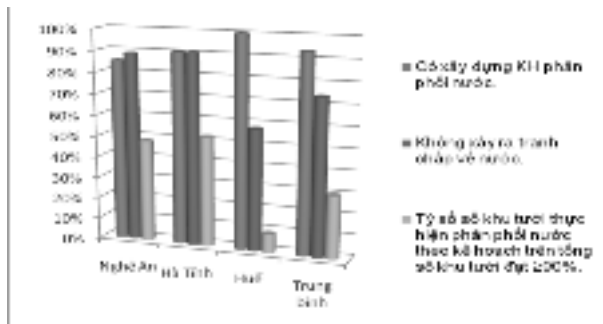
Các Hợp tác xã có quy mô thôn, liên thôn, xã, trong khi đó các Tổ hợp tác chủ yếu có quy mô thôn. Kết quả điều tra cho thấy các tổ chức có quy mô liên thôn chiếm 76% số tổ chức, đặc biệt ở tỉnh Thừa Thiên- Huế các tổ chức có quy mô thôn, liên thôn chiếm tỷ lệ lớn, tới 91% (xem Hình 1). Về quy mô theo diện tích tưới, phần lớn TCDN có diện tích phục vụ khá nhỏ từ 50 đến 100 ha (40%), từ 100 đến 200 ha (50%), trên 200 ha chỉ chiếm 10%. Đây là một đặc điểm tạo nên sự phức tạp trong quản lý, chi phí quản lý cao, gây khó khăn cho công tác điều hành phân phối nước làm ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý thủy nông.



Hình 1. Phân loại TCDN theo quy mô phục vụ

- Vận hành phân phối nước:

Nhìn chung nguồn nước ở vùng Bắc Trung Bộ khá hạn chế nên hầu hết các TCDN áp dụng biện pháp tưới luân phiên nhằm nâng cao hiệu quả tưới. Tuy nhiên, do thiếu các công trình điều tiết như cống, cánh cống nên khó thực hiện được kế hoạch phân phối nước, dẫn đến hiệu quả tưới tiêu còn thấp. Kết quả điều tra cho thấy có 94% số TCDN tại các xã điều tra lập kế hoạch vận hành phân phối nước trên cơ sở kế hoạch mùa vụ của Phòng Nông nghiệp và lịch phân nước đã được thống nhất giữa công ty và các đơn vị dùng nước. Tuy nhiên, tỷ lệ số khu tưới thực hiện phân phối nước theo kế hoạch trên tổng số khu tưới đạt từ 90% trở lên chỉ chiếm 30% số tổ chức. Do tình trạng thiếu nước nên nhiều địa phương vẫn còn tranh chấp nước, số TCDN không còn xảy ra tình trạng tranh chấp về nước chiếm 72% (xem hình 2).



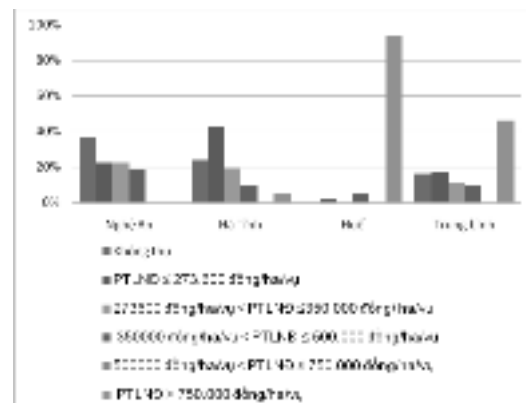
Hình 2. Hiệu quả vận hành phân phối nước của các TCDN

- Duy tu, bảo dưỡng công trình:

Hầu hết các TCDN đều xây dựng kế hoạch duy tu bảo dưỡng công trình hàng năm, hàng vụ. Tuy nhiên, chỉ có 51/93 tổ chức thực hiện tốt công tác duy tu bảo dưỡng công trình, có số công trình hoạt động tốt trên tổng số công trình đạt trên 80%. Do nguồn thu thấp nên kinh phí dành cho bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên rất hạn chế, chủ yếu là cho thực hiện nạo vét kênh mương và bảo dưỡng trạm bơm. Các TCDN hầu như không có kế hoạch sửa chữa lớn.

- Tài chính của Tổ chức dùng nước:

Nguồn thu của các TCDN chủ yếu là từ dịch vụ thủy lợi, chiếm 64%. Kết quả điều tra cho thấy số TCDN không thu phí thủy lợi nội đồng chiếm 16% tổng số tổ chức (xem Hình 3). Các TCDN thu phí thủy lợi nội đồng nhưng với mức thu khác nhau, từ 100.000 đến 1.700.000 đồng/ha/vụ. Các tổ chức có mức thu thấp thường là các tổ chức có quy mô toàn xã, có diện tích tưới tiêu lớn hoặc ở đầu kênh. Các tổ chức có mức thu cao thường là các tổ chức có quy mô thôn, liên thôn, nằm ở cuối kênh có địa hình cao khó lấy nước. Các tổ chức ở cuối kênh thường phải tự bơm tát nên phải thu mức phí nội đồng cao. Trong khi đó, một số TCDN ở tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh không thu được phí thủy lợi nội đồng do dựa vào nguồn thu từ cấp bù thủy lợi phí của nhà nước cho các trạm bơm điện. Một số TCDN thu phí nội đồng cao hơn quy định của tỉnh, tỷ lệ thu phí thủy lợi nội đồng vượt quy định ở tỉnh Nghệ An là 41%, Hà Tĩnh là 14% và Thừa Thiên- Huế tới 93%. Các TCDN ở tỉnh Thừa Thiên- Huế thu phí thủy lợi nội đồng cao hơn các tỉnh khác chủ yếu do các TCDN có diện tích tưới nhỏ, có quy mô thôn nên phải chi thu lao cho bộ máy quản lý lớn.



Hình 3. Mức thu phí thủy lợi nội đồng ở các TCDN

Tỷ lệ chi phí vận hành, bảo dưỡng công trình (O&M) so với tổng thu nhập của tổ chức quản lý từ dịch vụ thủy lợi cũng rất khác nhau ở mỗi

địa phương. Có 73 tổ chức (chiếm 78,5%) có tỷ lệ chi phí cho vận hành và bảo dưỡng công trình so với tổng thu nhập từ 80% trở lên, trong khi đó còn có 9 tổ chức (chiếm 9,7%) có tỷ lệ vận hành và bảo dưỡng công trình so với tổng thu nhập thấp hơn 50% (xem bảng 2). Ở tỉnh Thừa Thiên- Huế, các TCDN có tỷ lệ vận hành và bảo dưỡng công trình so với tổng thu nhập là khá cao.

Bảng 2: Tỷ lệ chi cho vận hành và bảo dưỡng công trình của các TCDN

Chi phí O&M/ Tổng thu nhập từ dịch vụ thủy lợi	Số lượng tổ chức			
	Tổng số	Nghệ An	Hà Tĩnh	Thừa Thiên- Huế
≥ 80%	73 (78,5%)	20 (74%)	14 (67%)	39 (87%)
50-80%	11 (11,8%)	2 (7 %)	3 (14 %)	6 (13 %)
< 50%	9 (9,7%)	5 (19%)	4 (19%)	0

- Kết quả cung cấp dịch vụ tưới cho sản xuất nông nghiệp:

Kết quả điều tra về hiệu quả cung cấp dịch vụ tưới cho sản xuất nông nghiệp của các TCDN cho thấy tỷ lệ diện tích thực tưới cho lúa và rau màu so với diện tích theo kế hoạch là khá cao, trung bình đạt 80%. Đối với tỉnh Thừa Thiên-Huế, tỷ lệ này chỉ đạt 74%. Mặc dù người dân ở tỉnh Thừa Thiên-Huế nộp phí thủy lợi nội đồng cao nhưng điều kiện nguồn nước hạn chế, địa hình manh mún, phức tạp nên hiệu quả cung cấp dịch vụ tưới cho sản xuất nông nghiệp thấp hơn các tỉnh khác.

- Các tồn tại:

Kết quả phân tích ở trên cho thấy các TCDN vùng Bắc Trung Bộ góp phần quan trọng duy trì và phát huy hiệu quả hệ thống thủy lợi nội đồng, phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh. Tuy nhiên, hiệu quả quản lý hệ thống thủy

lợi nội đồng còn thấp, hoạt động của các TCDN còn một số tồn tại, bất cập như sau:

+ Sau khi thực hiện chính sách miễn giảm thủy lợi phí, một bộ phận nông dân có tư tưởng ỷ lại nên không có ý thức sử dụng nước tiết kiệm, bảo vệ công trình, không đóng phí thủy lợi nội đồng.

+ Các TCDN chủ yếu có quy mô thôn và liên thôn, diện tích tưới là khá nhỏ tạo nên sự phức tạp trong quản lý, gây khó khăn cho công tác điều hành phân phối nước làm ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý thủy nông.

+ Việc quy định mức phí thủy lợi nội đồng ở một số địa phương thấp, chưa phù hợp với tình hình thực tế, ví dụ như tỉnh Thừa Thiên-Huế. Vì vậy, nguồn thu không đủ để các TCDN bảo dưỡng, nạo vét kênh mương, chi trả tiền công dẫn nước. Điều này làm cho công trình nhanh xuống cấp, hư hỏng và không phát huy hiệu quả.

+ Một tồn tại khác của TCDN là năng lực đội ngũ cán bộ còn hạn chế. Đội ngũ cán bộ chủ chốt của các tổ chức này nhất là đối với các Hợp tác xã nông nghiệp thường xuyên bị thay đổi (theo nhiệm kỳ), chế độ thù lao, đãi ngộ chưa phù hợp.

+ Cơ sở vật chất, trang thiết bị của các TCDN còn nghèo nàn, trình độ công nghệ thấp chưa phù hợp với yêu cầu của công tác quản lý khai thác. Nhiều TCDN còn chưa có trụ sở làm việc.

3.3 Giải pháp nâng cao hiệu quả tổ chức quản lý hệ thống thủy lợi nội đồng cho vùng Bắc Trung Bộ

a) Mô hình tổ chức quản lý phù hợp

Trên cơ sở phân tích thực trạng hoạt động của 93 tổ chức dùng nước ở 45 xã điều tra của 3 tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Thừa Thiên-Huế ở trên, mô hình tổ chức quản lý hệ thống thủy lợi nội đồng phù hợp cho vùng Bắc Trung Bộ được đề xuất như sau:

- Mô hình Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp.

Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp (HTXNN) là một tổ chức dùng nước hoàn chỉnh đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu về tư cách pháp lý và đảm bảo các nguyên tắc phát huy sự tham gia của người dùng nước. Mô hình Hợp tác xã có làm dịch vụ thủy lợi có khả năng đảm bảo hoạt động hiệu quả, bền vững trong việc cung cấp các dịch vụ sản xuất nông nghiệp bao gồm cả dịch vụ tưới, tiêu đảm bảo nguồn kinh phí hoạt động. Vì vậy, cần duy trì, củng cố và phát triển loại hình HTXNN ở những địa phương đã có Hợp tác xã và mở rộng cho các địa phương khác ở thị tứ, ven đô có điều kiện kinh tế phát triển, trình độ dân trí cao, có năng lực quản lý công trình và năng lực quản lý tài chính của hợp tác xã. Tuy nhiên, các Hợp tác xã cần thực hiện dịch vụ tổng hợp hiệu quả, tăng nguồn thu đảm bảo chi phí cho các hoạt động của Hợp tác xã để có đủ điều kiện để chuyển đổi theo Luật Hợp tác xã năm 2012. Việc chuyển đổi mô hình HTXNN theo Luật Hợp tác xã năm 2012 đảm bảo cho các Hợp tác xã thực hiện dịch vụ sản xuất nông nghiệp được hưởng các chính sách hỗ trợ ưu đãi của nhà nước.

- Mô hình Tổ hợp tác:

Đối với loại hình Tổ hợp tác đang hoạt động ở một số địa phương, nhất là ở vùng miền núi của vùng Bắc Trung Bộ cần củng cố tăng cường bộ máy tổ chức, năng lực đội ngũ cán bộ để duy trì hoạt động của các tổ chức này đảm bảo phục vụ sản xuất. Tuy nhiên, Tổ hợp tác cần được củng cố để phát huy sự tham gia của cộng đồng gắn với trách nhiệm của chính quyền địa phương. Về lâu dài cần phát triển loại hình này thành Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp quy mô thôn hoặc liên thôn.

- Mô hình Liên hiệp tổ chức dùng nước:

Mô hình Liên hiệp tổ chức dùng nước là hình thức liên kết các TCDN để quản lý kênh cấp 2 liên xã trong các hệ thống thủy lợi do doanh nghiệp nhà nước quản lý. Các Liên hiệp tổ chức dùng nước thực hiện vận hành, phân phối nước và bảo dưỡng, sửa chữa, bảo vệ công

trình trên tuyến kênh cấp 2 liên xã, trong khi đó hệ thống kênh nội đồng ở từng xã do các TCDN quản lý. Nguồn thu của các Liên hiệp là từ nguồn chia sẻ kinh phí cấp bù thủy lợi phí giữa công ty và Liên hiệp tổ chức dùng nước và các nguồn khác. Liên hiệp tổ chức dùng nước thực hiện phân phối nước công bằng, hiệu quả và tiết kiệm trên tuyến kênh liên xã, giảm tình trạng tranh chấp về nước, giảm chi phí vận hành điều tiết nước của các xã cuối kênh. Mô hình Liên hiệp tổ chức dùng nước phù hợp cho các địa phương lấy nước trên các tuyến kênh cấp 2 liên xã có diện tích dưới 1000ha, xã cuối kênh khó khăn về nước và có năng lực quản lý công trình, quản lý tài chính.

b) Giải pháp cơ chế chính sách

Một số giải pháp về cơ chế chính sách tạo hành lang pháp lý nâng cao hiệu quả các tổ chức quản lý hệ thống thủy lợi nội đồng được khuyến nghị cho các địa phương ở vùng Bắc Trung Bộ như sau:

- Để có cơ sở thực hiện chuyển giao công trình cho địa phương quản lý, Sở Tài chính cần ban hành văn bản hướng dẫn đánh giá, xác định tài sản công trình thủy lợi.
- Các tỉnh quy định cụ thể định mức cho các hoạt động vận hành, bảo dưỡng công trình, tỷ lệ chi phí từ nguồn kinh phí cấp bù thủy lợi phí cho các TCDN, đồng thời cần quy định mức trần phí thủy lợi nội đồng phù hợp với thực tế. Các quy định này sẽ hỗ trợ cho các TCDN đảm bảo khả năng tự chủ tài chính.
- Các tỉnh cần xây dựng kế hoạch thành lập, kiện toàn các TCDN, hướng dẫn cụ thể mô hình tổ chức quản lý phù hợp, quy định vai trò trách nhiệm của các cấp chính quyền, cơ quan chuyên môn đối với các tổ chức quản lý hệ thống thủy lợi nội đồng. Kế hoạch phát triển tổ chức dùng nước cần gắn với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đang được cả xã hội quan tâm, được triển khai tích cực, sâu rộng trên địa bàn cả nước.

c) Cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan

Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan gồm công ty khai thác công trình thủy lợi, các cấp chính quyền địa phương và các TCDN là giải pháp quan trọng để tạo ra môi trường thuận lợi nâng cao hiệu quả các tổ chức quản lý hệ thống thủy lợi nội đồng. Một số giải pháp cần thiết để tăng cường sự phối hợp hiệu quả giữa các bên liên quan như sau:

- Sở NN&PTNT phối hợp với các ban ngành liên quan trong tỉnh (Sở Tài chính, Công ty khai thác công trình thủy lợi) tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các quy định tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho hoạt động của các tổ chức quản lý hệ thống thủy lợi nội đồng. Chi cục thủy lợi có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra giám sát các địa phương quản lý các TCDN, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý công trình thủy lợi cho các TCDN.

- Công ty khai thác công trình thủy lợi và UBND huyện, xã cần có kế hoạch hợp định kỳ để thống nhất kế hoạch tưới tiêu, phối hợp xử lý vi phạm, giải quyết các vấn đề liên quan đến vận hành và sửa chữa công trình đảm bảo cung cấp nước kịp thời cho sản xuất. Công ty cần tổ chức các cuộc họp đầu vụ sản xuất với đại diện TCDN để thảo luận xây dựng kế hoạch tưới tiêu, thống nhất lịch tưới. Ngoài ra, công ty cũng cần có kế hoạch hỗ trợ kỹ thuật cho các TCDN.

- UBND huyện cần thường xuyên chỉ đạo Phòng Nông nghiệp & PTNT, Phòng Tài chính hướng dẫn, hỗ trợ các TCDN quản lý công trình thủy lợi đảm bảo mục tiêu, kế hoạch sản xuất và quản lý, sử dụng nguồn thủy lợi phí cấp bù đúng quy định và hiệu quả.

- UBND các xã cần quan tâm kiểm tra, đôn đốc các TCDN thực hiện các hoạt động quản lý vận hành, bảo dưỡng công trình; tuyên truyền phổ biến cho nhân dân tham gia quản lý công trình thủy lợi; giải quyết tranh chấp giữa các hộ dùng nước.

4. KẾT LUẬN

Ở vùng Bắc Trung Bộ, các TCDN góp phần quan trọng việc quản lý khai thác hệ thống thủy lợi nội đồng để duy trì và phát huy hiệu quả của công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh. Tuy nhiên, hoạt động vận hành và bảo dưỡng công trình của các TCDN còn nhiều bất cập nên hiệu quả tưới tiêu còn thấp. Một số giải pháp được đề xuất nhằm phát huy sự tham gia của người dùng nước để nâng cao hiệu quả các TCDN cho vùng Bắc Trung Bộ là xác định mô hình tổ chức quản lý phù hợp, cơ chế chính sách và cơ chế phối hợp các bên liên quan. Các giải pháp này là cơ sở khoa học cho các cơ quan quản lý nhà nước và các địa phương áp dụng để xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển các tổ chức quản lý hệ thống thủy lợi nội đồng cho vùng Bắc Trung Bộ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Sở Nông nghiệp & PTNT Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên- Huế. Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí thủy lợi đến tháng 6/2015.
- [2] Sở Nông nghiệp & PTNT Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên- Huế, Báo cáo tình hình thực hiện phân cấp quản lý khai thác công trình thủy lợi, 2014.
- [3] Trung tâm tư vấn quản lý thủy nông có sự tham gia của người dân. Báo cáo đánh giá thực trạng quản lý hệ thống thủy lợi nội đồng của đề tài " Nghiên cứu đề xuất các giải pháp khoa học và công nghệ về giao thông nông thôn, thủy lợi phù hợp với quy hoạch làng xã phục vụ xây dựng nông thôn mới vùng Bắc Trung Bộ", 2013.